Mẫu số 18

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 539.2025/TB-VinaCert-1	*130 Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội , ngày 19 tháng 06 năm 2025*

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN NHẬP KHẨU

Tên phân bón: UCHINI CHERRY DIAMOND

Mã số phân bón: 31013

Ngày sản xuất: 27/02/2025, Hạn sử dụng: 27/02/2028, Xuất xứ: BELGIUM

Số lượng: 66 BAO (1,050 KG) Khối lượng: 69.3 (Tấn)

Thuộc tờ khai hải quan số:107213398460 ngày 27 tháng 05 năm 2025

Đã làm thủ tục hải quan tại hải quan: Hải quan cửa khẩu cảng Sài Gòn khu vực 1

Hợp đồng số: OR14476 ngày 06 tháng 03 năm 2025

Danh mục hàng hóa: OR14476

Hóa đơn số: 20250017

Vận đơn số: OOLU2306853670

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu: Công ty TNHH Uchini Việt Nam

Địa chỉ, số điện thoại: 23 Nguyễn Quý Đức - Phường An Phú - Thành phố Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh., 02822105919

Giấy đăng ký kiểm tra số: 539.2025/ĐK-VinaCert

Địa điểm lấy mẫu kiểm tra: Cảng Cát Lái - TP Hồ Chí Minh

Căn cứ kiểm tra: Nghị định 84/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về Quản lý phân bón, QCVN 01-189:2019/BNNPTNT, Quyết định số 1431/QĐ-BVTV-PB ngày 03/10/2024 về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam

KẾT QUẢ KIỂM TRA

☒ Lô hàng đạt yêu cầu chất lượng nhập khẩu.

☐ Lô hàng không đạt yêu cầu chất lượng nhập khẩu.

Nơi nhận:
- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu PGĐ.

Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert

LDDV
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Hữu Dũng

VINACERT

www.vinacert.vn

Số: 8989 /QĐ-VICB

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Cấp giấy chứng nhận sản phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 18 tháng 11 năm 2022 (Cấp đổi lần thứ 5);
- Căn cứ Thông tư Số 09/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/8/2019 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón;
- Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-BVTV-KH ngày 09/01/2023 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy;
- Căn cứ Quy định chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ hồ sơ đăng ký chứng nhận của khách hàng;
- Căn cứ phiếu kết quả thử nghiệm: VICB22506628.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chứng nhận lô sản phẩm: UCHINI CHERRY DIAMOND
Sản xuất bởi: SAMAGRO NV - BELGIUM
Số lượng: 66 bao Khối lượng: 69,3 (tấn)
Quy cách bao gói: 1,050 kg/bao
Ngày sản xuất: 27/02/2025
Hạn sử dụng: 27/02/2028
Nhập khẩu theo tờ khai hải quan số: 107213398460 ngày 27/05/2025
Hợp đồng nhập khẩu số: OR14476 ngày 06/03/2025
Hóa đơn thương mại số: 20250017 ngày 12/03/2025
Vận đơn số: OOLU2306853670
Được đăng ký lưu hành bởi: CÔNG TY TNHH UCHINI VIỆT NAM
Được nhập khẩu bởi: CÔNG TY TNHH UCHINI VIỆT NAM
Địa chỉ: 23 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của Phân bón hữu cơ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

QCVN 01-189:2019/BNNPTNT

Phương thức chứng nhận: Phương thức 7 - Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Tổ chức có lô sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng Giấy chứng nhận mã số VICB 7775.10.7/27, dấu chứng nhận sản phẩm hợp quy có mã VICB 7775.10.7-11 và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm hợp quy theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian chứng nhận có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 06 năm 2025
Giấy chứng nhận chỉ có giá trị cho lô sản phẩm được nêu ở Điều 1/.

Nơi nhận:
- Như Điều 1;
- Lưu CN.

Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0102152121 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT - Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thị Yến

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

GIẤY CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Căn cứ Quyết định cấp giấy chứng nhận sản phẩm số: 8989 /QĐ-VICB ngày 19 tháng 06 năm 2025

Chứng nhận lô sản phẩm

Loại sản phẩm: Phân bón hữu cơ

Tên sản phẩm: UCHINI CHERRY DIAMOND

Khối lượng: 69,3 (tấn)

Số lượng: 66 bao

Quy cách bao gói: 1,050 kg/bao

Ngày sản xuất: 27/02/2025 **Hạn sử dụng:** 27/02/2028

Sản xuất tại: SAMAGRO NV - BELGIUM

Nhập khẩu theo tờ khai hải quan số: 107213398460 **Ngày** 27/05/2025

Hợp đồng nhập khẩu số: OR14476 ngày 06/03/2025

Hoá đơn thương mại số: 20250017 ngày 12/03/2025

Vận đơn số: OOLU2306853670

Được đăng ký lưu hành bởi:

CÔNG TY TNHH UCHINI VIỆT NAM

Được nhập khẩu bởi

CÔNG TY TNHH UCHINI VIỆT NAM

Địa chỉ

23 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Phù hợp với yêu cầu đối với Phân bón hữu cơ quy định tại

QCVN 01-189:2019/BNNPTNT

Phương thức chứng nhận

Phương thức 7 - Thông tư số28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng12 năm 2012

Được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy theo quy định tại V01-03 của VinaCert

Giấy chứng nhận này chỉ có giá trị cho lô sản phẩm trên

VINACERT VICB 7775.10.7-11

Số giấy chứng nhận/ *Certificate No :* **VICB 7775.10.7227**

Ngày cấp/ *Issue Date :* 19/06/2025

Ngày hiệu lực/ *Effective Date :* 19/06/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

NGUYỄN THỊ YẾN

Tổng Giám đốc

VINACERT-CONTROL

www.vinacert.vn

ilac-MRA ACCREDITED
3684.01; 3684.02
3684.03; 3684.04
3684.05; 3684.06
ISO/IEC 17025:2017

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB22506628 /YNK VICB.56118
Nơi thực hiện/Lab: VAIQ
Số TTGM: 321785

1. Khách hàng/*Customer:* Phòng chứng nhận (NK)

2. Địa chỉ/*Address:* Tầng 4, 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội

3. Tên mẫu/*Sample:* Phân bón

4. Mã mẫu/*Sample code:* /

5. Người lấy mẫu/*Sample collector:* Trần Đình Kiên

6. Tình trạng mẫu/ *Sample condition:* Đóng túi ghép mí có niêm phong

7. Lượng mẫu/ *Quantity:* 500 g

8. Ngày nhận mẫu /*Sample receiving date:* 30/05/2025

9. Ngày thử nghiệm/ *Testing date:* 30/05/2025 - 09/06/2025

10. Kết quả/ *Results:*

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Results*	Phương pháp thử *Testing method*	Ghi chú *Note*
1	pH H_2O	-	9,02	TCVN 13263-9:2020(**) (C)	
2	Độ ẩm	%	10,26	TCVN 9297:2012(**)(C)	
3	Tỷ lệ C/N	-	8,09	C: TCVN 9294:2012 N: TCVN 8557:2010(**)(C)	
4	Chất hữu cơ	%	74,60	TCVN 9294:2012(**)(C)	
5	P_2O_5 hữu hiệu	%	2,33	TCVN 8559:2010(**)(C)	
6	K_2O hữu hiệu	%	2,93	TCVN 8560:2018(**)(C) (1)	
7	Nitơ tổng số	%	4,19	TCVN 8557:2010(**)(C) (1)	
8	Asen (As)	mg/kg	KPH	TCVN 11403:2016 (**) (C)	LOD = 2 mg/kg
9	Chì (Pb)	mg/kg	<15	TCVN 9290:2018(**)(C)	
10	Cadimi (Cd)	mg/kg	<3	TCVN 9291:2018(**)(C)	
11	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH	TCVN 10676:2015(**) (C)	LOD = 0,5 mg/kg

VINACERT-CONTROL

www.vinacert.vn

ACCREDITED 3684.01; 3684.02 3684.03; 3684.04 3684.05; 3684.06 ISO/IEC 17025:2017

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB22506628 /YNK VICB.56118
Nơi thực hiện /Lab: VAIQ
Số TTGM: 321785

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Results*	Phương pháp thử *Testing method*	Ghi chú *Note*
12	Axit humic	%	4,78	TCVN 8561:2010(**)(C)	
13	*Salmonella* spp.	/25g	KPH	Ref. TCVN 10780-1:2017(**)(C)	LOD = 4CFU/25g
14	*E. coli*	MPN/g	0	Ref.TCVN 6846:2007(**)(C)	
15	Canxi (Ca)	%	6,24	TCVN 12598:2018(*)	

11. Tài liệu kèm theo/ *Enclosed documents (nếu có/If any):*

12. Nhận xét khác/ *Comments (nếu có/If any):*

Cần Thơ, ngày/date 18 tháng/month 06 năm/year 2025

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC VAIQ
DIRECTOR OF VAIQ

La Văn Thái

Lưu ý:

*1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của **Vina**Cert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of **Vina**Cert-Lab.*

2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer' request.

3."KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ 'KPH" not-detected (below detection limit).

4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "**": Phương pháp thử được công nhận;"C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "*" method performed by subcontractors; "**" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.*